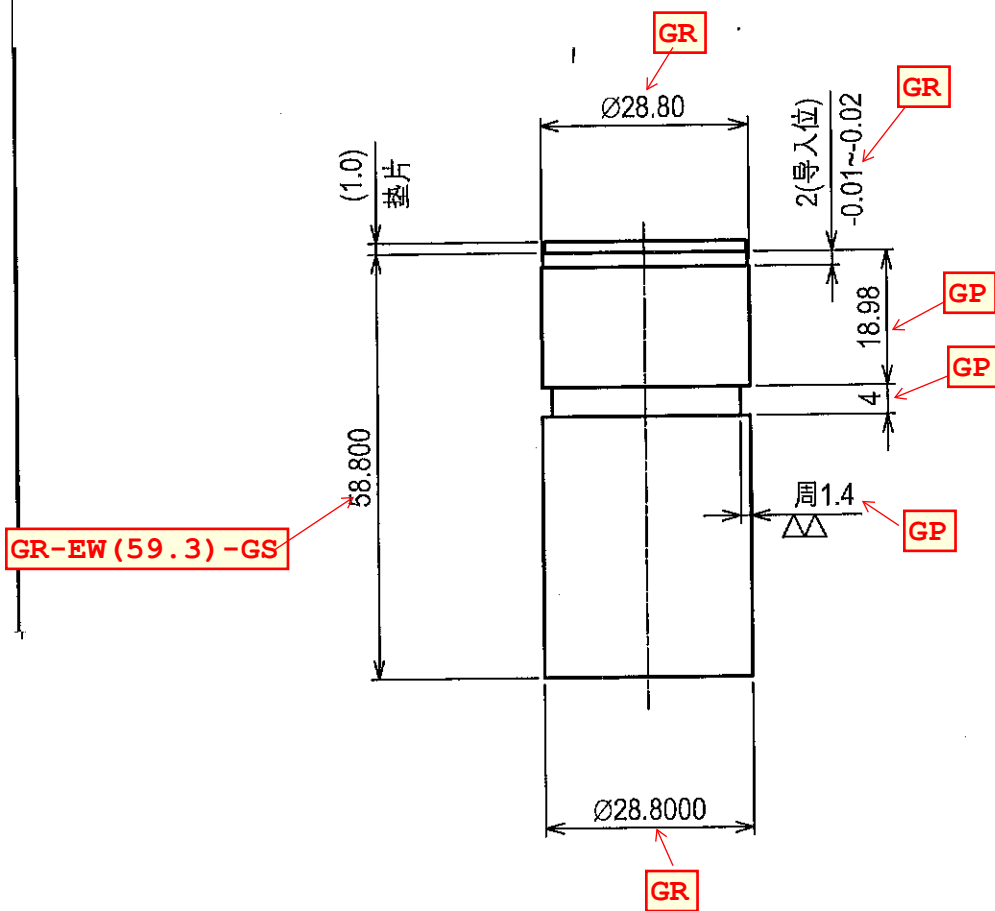




REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2015/01/06	新規设计		Zhou_Shao_Xiong	Zhang_Guang_Wu	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G ▽▽▽ (▽▽)			



S CHUẨN

414 311 0218

4 311 0217

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Zhou_Shao_Xiong	Zhang_Guang_Wu	部品図		ランスパンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		LANCING PUNCH	
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		長矛沖頭	
		部品図		長矛沖頭	
MATERIAL	DATE	SCALE	 	DWG.No.	
WC(D40/HIP)	2015/01/06	1:1		S941276	

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: S941276	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD40 Ø30*75	GR:180 EW:40 GS:40 GP:90 KT